

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-PT

Ngày: 24-01-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi;

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 12/01 và 24/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2021/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Ngọc C, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang. *(Có mặt)*.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Lê Văn S, sinh năm 1987; địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt ngày 12/01/2022, vắng mặt ngày 24/01/2022)*

2.2. Anh Cao Văn L, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện N, tỉnh An Giang. (*Vắng mặt*)

3. Người kháng cáo: Anh Lê Văn S - Là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Anh Võ Ngọc C trình bày:* Vào ngày 09 - 16/9/2019, anh Lê Văn S cùng anh Cao Văn L đến mua lúa của anh C với số lượng 584.478kg, nhân với giá 4.600đ/kg, tổng số tiền là 2.690.000.000 đồng, anh S cùng anh L đã trả cho anh 2.295.000.000 đồng, còn thiếu lại 395.000.000 đồng. Anh C yêu cầu anh S, anh L liên đới trả tiền mua lúa còn thiếu 395.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 16/9/2019 cho đến ngày xét xử.

- *Anh Lê Văn S trình bày:* Anh làm nghề trung gian thu mua lúa, anh cùng anh Cao Văn L, sinh năm 1983, ngụ ấp T, xã C, huyện N, tỉnh An Giang, thỏa thuận hợp tác thu mua lúa bán lại để kiếm lời. Anh và anh L thỏa thuận nếu có lợi nhuận thì chia đôi, nếu thua lỗ thì mỗi người chịu trách nhiệm đối với ½ trên tổng số tiền thua lỗ. Ngày 16/9/2019, anh và anh L thu mua lúa của anh Võ Ngọc C để bán lại cho Công ty T, trụ sở tại huyện N, tỉnh Cần Thơ, cụ thể như sau: Mua lúa của anh C số lượng 584.478kg, giá 4.600đ/kg, thành tiền 2.690.000.000đ.

Việc liên hệ, lập hợp đồng với Công ty T do anh L phụ trách, anh chỉ biết giá tiền thỏa thuận là 4.700đ/kg. Sau khi anh và anh L thu mua lúa xong, phía đại diện Công ty T là chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp kiểm hàng và cùng anh chở lúa về công ty để nhận tiền trả cho anh C. Tuy nhiên, khi đến công ty thì công ty không có tiền để chi trả nên nông dân không đồng ý giao lúa mà giữ lại dưới ghe, sau đó 02 ngày, do sợ lúa hư hỏng nên anh và anh L làm tờ bảo lãnh cho công ty để công ty được nhận lúa.

Khoảng 30 ngày sau, Công ty T trả tiền lúa, công ty báo trong số lúa đã mua có 569 tấn bị ẩm vàng, nên chỉ trả tiền với giá 4.200đ/kg, thấp hơn 500đ so với giá thỏa thuận ban đầu 4.700đ, dẫn đến anh và anh L bị lỗ hết gần 250.000.000đ, việc này các nông dân bán lúa cho anh đều biết, vì hôm đó họ đến công ty nhận tiền cùng anh. Đồng thời, Công ty T lấy lý do anh L không giao số lúa còn lại như thỏa thuận, nên công ty giữ lại 500.000.000đ, nhưng thực tế là do công ty gọi điện thoại báo cho chị T sẽ không nhận lúa của anh và

anh L nữa. Chị T gọi điện báo lại cho anh và anh L, nên anh và anh L phải tìm công ty khác bán số lúa đã mua để lấy tiền trả cho nông dân, chứ không phải anh và anh L có lúa mà không giao cho Công ty T.

Do thua lỗ và hiện còn bị Công ty T giữ lại số tiền 500.000.000đ, anh và anh L chỉ có khả năng trả cho anh C 2.295.000.000đ, còn nợ lại 395.000.000đ.

Số tiền còn nợ lại của anh C, anh thống nhất sau khi anh giải quyết và nhận được tiền từ Công ty T anh sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả $\frac{1}{2}$ trên tổng số nợ. Hiện tại do công ty chưa thanh toán tiền cho anh nên anh không có tiền để hoàn trả.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Cao Văn L vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Ngọc C

Buộc buộc anh Lê Văn S, anh Cao Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho anh Võ Ngọc C số tiền mua lúa còn thiếu là 455.542.967 đồng. Trong đó vốn 395.000.000 đồng, lãi 60.542.967 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Văn S, anh Cao Văn L có trách nhiệm liên đới chịu 22.777.148 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Ngọc C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 9.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp theo biên lai thu số BI/2019/0006760, quyển số 0136 ngày 13/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 08/4/2021, anh Lê Văn S kháng cáo không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới với anh Cao Văn L trả cho anh Võ Ngọc C số tiền mua lúa còn

thiếu là 455.542.967đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Anh Võ Ngọc C trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung chứng cứ mới và yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

+ Anh Lê Văn S trình bày: Anh S không đồng ý liên đới cùng với anh L trả cho anh C số tiền 455.542.967đ. Lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét kỹ thỏa thuận mua bán lúa giữa anh S với anh L; việc mua bán thua lỗ và bị Công ty T giữ lại số tiền 500.000.000đ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Quá trình thụ lý, giải quyết của Tòa cấp sơ thẩm chưa đúng theo quy định Bộ luật TTDS.

Qua kiểm sát hồ sơ của Tòa cấp sơ thẩm, có Tờ tự khai của anh S ngày 21/11/2020 (bút lục 23) và Đơn xin vắng mặt của anh S ngày 24/3/2021 (bút lục 55A) đều là bản photo nhưng Biên bản phiên tòa sơ thẩm và Bản án sơ thẩm số 28 ngày 26/3/2021 nhận định là tài liệu chứng cứ cho là anh S có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến là chưa đúng quy định theo Điều 95 BLTTDS.

Vụ án thụ lý ngày 19/10/2020 nhưng qua thu thập bổ sung của Tòa cấp phúc thẩm, tại Công văn số 95 ngày 6.6.2021 và số 108 ngày 14.7.2021 của Công an thị trấn C, huyện N, tỉnh An Giang, anh Cao Văn L có đăng ký HKTT tại ấp T, xã C, huyện N, tỉnh An Giang (nay khóm T, thị trấn C). Hộ khẩu thường trú của anh L gồm anh L, vợ là Lê Thị Mỹ P, con là Cao Thị Mộng Đ, Cao Thị Kiều O. Hiện không có mặt tại địa chỉ trên, bỏ địa phương đi đâu không rõ, đi khoảng tháng 6/2020 đến nay. Tuy nhiên, quá trình thụ lý, giải quyết của Tòa cấp sơ thẩm chỉ tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Mai Thị Đ là mẹ ruột và chị Cao Thị Mỹ H là chị ruột của anh L ở nhà kế bên và có hộ

khẩu riêng, mà không thực hiện niêm yết công khai.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Đ và chị H ngày 07/01/2021 của Tòa cấp sơ thẩm, bà Đ, chị H khai là có nhận thông báo thụ lý, thông báo phiên hòa giải của Tòa nhưng cho rằng có thông báo nhưng anh L không về và không biết anh L ở đâu.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Đ, chị H ngày 20/12/2021 của Tòa án huyện N (theo ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa cấp phúc thẩm) thì bà Đ, chị H xác định có nhận các văn bản của Tòa thay cho anh L nhưng không liên lạc được với anh L nên không thông báo gì cho anh L biết.

Theo Phiếu báo phát tại bút lục 53,70 thể hiện phát chuyển Quyết định hoãn phiên tòa số 19 ngày 10.3.2021 và Bản án sơ thẩm số 28 ngày 26.3.2021 cho bà Đ chứ không phải chuyển phát cho anh L. Mặt khác, Quyết định hoãn phiên tòa số 19 ngày 10.3.2021, ấn định ngày mở lại phiên tòa lúc 8 giờ ngày 26/3/2021 nhưng Phiếu báo phát cho bà Đ (bút lục 53) thì dấu Bưu cục B ngày 16/3/2021 đến dấu Bưu cục N là ngày 26/3/2021 cũng là ngày mở phiên tòa xét xử của Tòa cấp sơ thẩm.

Cho thấy, việc Tòa cấp sơ thẩm cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và triệu tập đối với anh L là chưa đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179, 180, khoản 3 Điều 233 BLTTDS.

Ngoài ra, hồ sơ thể hiện Biên bản tổng đạt (bút lục 37) lúc 15 giờ 17 phút ngày 07/01/2021 do Thẩm phán Nguyễn Hoàng G trực tiếp Thông báo kết quả phiên họp số 01 ngày 05/01/2021 cho anh L tại nhà anh L ở ấp T, xã C, huyện N, tỉnh An Giang do bà Đ nhận thay và biên bản kết thúc lúc 15 giờ 32 phút cùng ngày. Tuy nhiên, theo Biên bản lấy lời khai người làm chứng (bút lục 38,39) thì tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đồng Tháp, Thẩm phán Nguyễn Hoàng G cùng Thư ký Nguyễn Minh T tiến hành lấy lời khai của bà Đ và chị H từ 15 giờ 32 phút đến 16 giờ 20 phút cùng ngày 07/01/2021. Cho thấy, cùng một thời điểm mà Thẩm phán Nguyễn Hoàng G thực hiện 02 công việc ở 02 địa giới hành chính cách xa nhau là không đúng nên 02 tài liệu trên là chưa phù hợp.

Xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy bản án

sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do đó, chưa xem xét kháng cáo của anh S.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh C khởi kiện đối với anh S, anh L về việc yêu cầu trả tiền mua lúa còn thiếu và tính lãi chậm trả. Do đó, Tòa án huyện B thụ lý giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản là phù hợp quy định của pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt của anh L tại phiên tòa là phù hợp, bởi vì: Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2021, bà Mai Thị Đ và chị Cao Thị Mỹ H (mẹ và em của anh L) xác nhận đã có nhận thay cho anh L các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời có điện thoại báo cho anh L biết nhưng anh L cho rằng, đến khi anh về đám giỗ ở gia đình bên vợ rồi sẽ về nhà luôn nhưng anh L không về. Mặt khác, anh S thừa nhận giấy nợ mua bán lúa do anh S cùng với anh L ký tên và theo nội dung giấy này 02 đương sự cam kết đến ngày 04/01/2020 sẽ trả nợ cho anh C, nhưng anh L đi nơi khác cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho ông Chờ biết (khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự). Anh L vẫn còn giữ liên lạc qua điện thoại với bà Đ, chị H (nhà anh L và nhà bà Đ liền kề nhau) vào thời điểm Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, nên đã biết việc anh C khởi kiện yêu cầu trả nợ nhưng không cung cấp địa chỉ cư trú mới cho bà Đ, chị H biết nên thuộc trường hợp cố ý giấu địa chỉ (điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/HĐTP ngày 05/5/2017). Thực tế, bà Đ và chị H đã nhận thay Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh L đến phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, Bản án sơ thẩm nhưng anh L cũng không có kháng cáo theo quy định. Anh L cũng không có mặt tại phiên tòa phúc thẩm theo giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án Tỉnh nên xét xử phúc thẩm vắng mặt theo quy định.

[2] Xét thấy, việc anh C thỏa thuận bán lúa cho anh S và anh L là có cơ sở, bởi vì: Nội dung giấy nợ mua bán lúa (không ghi ngày tháng năm) thể hiện

anh S và anh L cùng mua lúa của anh C. Anh S và anh L ký tên giấy nợ số tiền 550.000.000đ (chưa trừ tiền cọc) và cam kết trả trong thời hạn từ ngày 03/01/2020 đến ngày 04/01/2020. Tuy nhiên, anh C cho rằng đã thanh toán chỉ còn nợ lại 395.000.000đ. Anh S thừa nhận việc thỏa thuận hợp tác với anh L mua lúa của anh C 584.478kg, giá 4.600đ/kg thành tiền 2.690.000.000đ, nhưng do thua lỗ nên anh S, anh L chỉ có khả năng trả cho anh C 2.295.000.000đ, còn nợ lại 395.000.000đ (Tờ tự khai ngày 21/11/2020, bút lục 23). Ông D khai, ông có tham gia thỏa thuận giá lúa với nông dân để cho anh S, anh L cân lúa (mua lúa) và trực tiếp trả tiền cho anh C; anh L viết giấy nợ, ký tên và được anh S ký tên thừa nhận nợ; ông D có ký tên làm chứng trong giấy nợ tiền mua lúa.

Anh S cho rằng, theo thỏa thuận thì anh L phụ trách việc hợp đồng bán lúa cho Công ty T, còn anh S chỉ thỏa thuận giá lúa mua của nông dân. Do Công ty T còn thiếu tiền mua lúa của anh S 500.000.000đ mới dẫn đến việc thiếu nợ anh C. Hơn nữa, anh L thu giữ tiền bán lúa bỏ địa phương đi nơi khác nhằm trốn tránh trách nhiệm, trong khi đó anh S có chi tiền cá nhân để trả nợ là 260.000.000đ, nên không đồng ý liên đới trách nhiệm với anh L trả nợ cho anh C. Nhận thấy, việc thỏa thuận giữa anh S, anh L với Công ty T là giao dịch khác không liên quan đến hợp đồng mua bán lúa của anh C và Tòa án cấp sơ thẩm chưa có giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi: Anh S và anh L cam kết đến ngày 04/01/2020 sẽ thanh toán tiền xong cho anh C, nhưng chưa thực hiện đầy đủ đúng thời hạn ghi trong “giấy nợ mua bán lúa”, nên phải tính lãi đối với số tiền 395.000.000đ, mức lãi suất 0,83%/tháng (Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015), thời hạn tính từ ngày 04/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 14 tháng 22 ngày. Như vậy phải chịu số tiền lãi 48.303.233đ là phù hợp.

Qua nội dung trên cho thấy, anh C thỏa thuận bán lúa cho anh S và anh L là tự nguyện phù hợp quy định của pháp luật, anh C đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng hóa xong. Vì vậy, anh S và anh L cùng liên đới trách nhiệm trả số tiền vốn và lãi nói trên, nên kháng cáo của anh S là có một phần cơ sở để chấp nhận (tiền lãi).

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị hủy án sơ thẩm. Tuy nhiên việc thụ lý và xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp quy định của pháp luật nên không phải hủy án.

Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh S, sửa một phần bản án sơ thẩm. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí: Anh S không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, 148, 227, 228, 266, 271, 273, khoản 2 Điều 308 và Điều 483 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 430, 440 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn S.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Võ Ngọc C.

Buộc anh Lê Văn S và anh Cao Văn L liên đới trách nhiệm trả cho anh Võ Ngọc C số tiền 443.303.233đ.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Lê Văn S và anh Cao Văn L liên đới trách nhiệm chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.732.000đ.

Anh Lê Văn S không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh S tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0014379 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Võ Ngọc C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh C tiền tạm ứng án phí 9.875.000đ theo biên lai số 0006760, ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng